

Bản án số: 519/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 31 – 5 – 2019

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Thúy Ngọc
2. Ông Vũ Trung Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019 tại Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 336/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Âu Thanh O, sinh năm 1989; địa chỉ: Đường L, Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn đề nghị vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1985; địa chỉ: Đường L, Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn đề nghị vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn ngày 16/3/2019 và lời trình bày tại bản tự khai ngày 16/4/2019, nguyên đơn là bà Nguyễn Âu Thanh O trình bày: Bà và ông Nguyễn Trọng H tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 14/01/2014 tại Ủy ban nhân dân phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi cưới, vợ chồng sống tại số Đường L, Phường N, quận T. Trong suốt quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, tranh cãi do không có tiếng nói chung, không hòa hợp về các vấn đề trong cuộc sống nên đã ly thân khoảng 1 năm nay. Tới thời điểm hiện tại, dù hai bên đã rất cố gắng nhưng vẫn không tìm ra được hướng giải quyết những mâu thuẫn nên bà yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Hoàng P – sinh ngày 21/12/2014. Ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Theo bản tự khai ngày 11/5/2019, bị đơn là ông Nguyễn Trọng H trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà O về thời gian và quá trình vợ chồng chung sống. Trong thời gian chung sống với nhau, giữa hai vợ chồng thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong mọi mặt của cuộc sống. Tuy vợ chồng vẫn sống chung một nhà và nhiều lần cố gắng nhẫn nhịn, chịu đựng lẫn nhau để giữ gìn hạnh phúc gia đình, vun đắp tình cảm cho con nhưng hầu như không thể nói chuyện được với nhau, không tìm được tiếng nói chung khi trao đổi hay bàn về một vấn đề gì đó dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, cuộc sống chung rất nặng nề, mệt mỏi. Hiện tại quan hệ hôn nhân của cả hai không thể tiếp tục được nữa và đều mong muốn giải thoát cho nhau để cuộc sống của mỗi bên được nhẹ nhàng hơn nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà O.

Về con chung: Ông đồng ý giao 01 con chung tên Nguyễn Hoàng P – sinh ngày 21/12/2014 cho bà O nuôi dưỡng và hy vọng bà O đảm bảo mọi điều kiện để con phát triển tốt nhất và ông cũng mong được đảm bảo quyền được thăm nuôi con theo quy định của pháp luật. Ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do hai bên đương sự đều làm đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn có đơn yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trọng H, do ông H cư trú tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Do cả nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt và dành quyền kháng cáo cho hai bên đương sự theo quy định.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01/2014, đăng ký ngày 14/01/2014 do Ủy ban nhân dân Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì hôn nhân của hai bên đương sự là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Qua lời trình bày của các đương sự thể hiện vợ chồng không còn tình cảm, không có sự cố gắng thật sự để nhìn nhận lại những mâu thuẫn, bất đồng giữa hai vợ chồng để có thể tìm được giải pháp khắc phục và tình trạng giữa hai bên. Vì vậy, xét mâu thuẫn giữa các bên là trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã hết, không còn khả năng hàn gắn, do đó nghĩ nên chấm dứt quan hệ hôn nhân của các đương

sự theo yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp theo Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và thực tế để các bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: Nguyên đơn yêu cầu được nuôi 01 con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn thống nhất lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Về tài sản chung, nợ chung: Cả hai đều khai nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – bà Nguyễn Âu Thanh O.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Âu Thanh O được ly hôn với ông Nguyễn Trọng H.

1.2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng P– sinh ngày 21/12/2014.

Giao con chung cho bà Nguyễn Âu Thanh O được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con thành niên.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Nguyễn Trọng H do bà O chưa có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Hai bên khai nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

1.4. Về nợ chung: Hai bên khai nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Nguyễn Âu Thanh O chịu, được căn trừ vào số tiền bà O đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0038145 ngày 28/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân quận T, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.T ;
- CCTHADS Q.T ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Bích Thảo